

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 6 - 2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Tuyết Nhung;

2. Bà Trần Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 227/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ 23, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: 146, Lạc Long Quân, khóm Long Thạnh C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh D, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Nền số 12, lô 2, Khu dân cư khóm Long Thạnh C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 26/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị L và anh D tự tìm hiểu và yêu thương nhau trước, sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn vào năm 2016, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 06/3/2018 (theo bản sao trích lục kết hôn số 97/TLKH-BS, ngày 06/3/2018 do Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Thanh D). Cuộc sống hạnh phúc của vợ chồng kể từ khi kết hôn đến thời gian sau thì có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh D thường xuyên uống rượu, không chăm sóc gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm, kể cả gia đình hai bên có xảy ra đánh nhau.

Từ khi vợ chồng chị L không còn sống chung đến nay thì chị và anh D có liên hệ nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng về sống chung với nhau nhưng không thành, kể cả gia đình cha, mẹ ruột chị L và mẹ chồng cũng không có gặp nhau để bàn bạc cho vợ chồng chị và anh D về sống chung lại với nhau. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung với nhau được và chị L xin ly hôn với anh D.

- *Về con chung*: Có 01 con chung Lê Nguyễn Thái A, sinh ngày 06/6/2018, hiện chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A đến khi con thành niên và có khả năng lao động được, chị L không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Lê Thanh D đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Nguyễn Thị Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu*:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 72, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lê Thanh D đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập họp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Thanh D.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8 và Điều 9, khoản 2 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn anh Lê Thanh D; về con chung: Có 01 con chung Lê Nguyễn Thái A, sinh ngày 06/6/2018, hiện chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu A, chị L không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con, đề nghị HĐXX giao cháu Lê Nguyễn Thái A cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị L và anh D có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc L chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh D, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Nền số 12, lô 2, Khu dân cư khóm Long Thạnh C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lê Thanh D đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập họp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Thanh D.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh D sống chung nhau như vợ chồng vào năm 2016, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2018. Tại thời điểm kết hôn chị L và anh D đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà

nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị L và anh D sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị L cho rằng anh D thường xuyên uống rượu không chăm sóc gia đình, chị L có khuyên can nhiều lần nhưng anh D không thay đổi tính tình và vẫn uống rượu không chăm sóc gia đình vợ, con cho nên chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng bất đồng quan điểm và không còn chung sống từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh D.

Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh D sống chung được một thời gian phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung từ tháng 6/2018. Vào tháng 7/2018, chị L có khởi kiện xin ly hôn với anh D và sau đó tháng 11/2018 chị L có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm đoàn tụ về sống chung lại với nhau nhưng không thành và nay chị L khởi kiện xin ly hôn với anh D. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và trong thời gian ly thân, anh chị không tạo điều kiện thăm nom, hàn gắn tình cảm vợ chồng và suốt thời gian Tòa án xem xét giải quyết vụ án, anh D không gửi tự khai trình bày ý kiến cũng không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện sự không quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của chị L. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3] Về nuôi con chung: Có 01 con chung Lê Nguyễn Thái A, sinh ngày 06/6/2018 hiện chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu A đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Chị L không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con, Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu Lê Nguyễn Thái A, sinh ngày 06/6/2018 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con thành niên và có khả năng lao động được.

Chị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh D trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày chị và anh D không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử

không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị L và anh D có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị Ngọc L chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 8, 9, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn anh Lê Thanh D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 06/3/2018 (theo bản sao trích lục kết hôn số 97/TLKH-BS, ngày 06/3/2018) do Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Lê Thanh D không còn giá trị.

2. *Về nuôi con chung*: Có 01 con chung Lê Nguyễn Thái A, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2018 hiện chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Nguyễn Thái A, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2018 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Anh Lê Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh D trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, chị Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này

giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Lê Thanh D có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Ngọc L chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001607 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND phường Long Thạnh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm